

Bản án số: 138/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tố

2. Bà Phạm Hoàng Diễm My

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố TX, phường HH, thị xã H, tỉnh B.

(Anh T đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H vào ngày 01/02/2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số xx quyền số 01 ngày 01/02/2008). Sau một thời gian chung sống, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau được khoảng 3 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị Tr.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc NY sinh ngày 13/10/2008 và Nguyễn Hoàng Gia V sinh ngày 20/7/2013. Khi ly hôn anh T yêu

cầu nuôi con và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Tr không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của anh T, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm qui định tại Điều 203 của Bộ luật dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T, anh T được ly hôn chị Tr; giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con; anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị Tr đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố TX, phường HH, thị xã H, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh T đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Qua xác minh tại Công an thị xã H thì chị Tr có hộ khẩu thường trú tại khu phố TX, phường HH, thị xã H, tỉnh B, tàng thư không có thông tin, tài liệu thể hiện chị Tr đã chuyển khẩu đi nơi khác. Vì chị Tr thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ khi nào trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để chị Tr biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Trong thời gian giải quyết vụ án, chị Tr không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của chị Tr liên quan đến yêu cầu của anh T được. Chị Tr không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo qui định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Anh T và chị Tr đã không còn chung sống với nhau đến nay được khoảng 03 năm, chị Tr đã không còn quan tâm gì đến anh T. Vợ chồng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Có thể thấy, hôn nhân giữa anh T và chị Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh T ly hôn chị Tr.

[5] Việc nuôi con sau khi ly hôn: Hai con chung của anh T và chị Tr, thời gian qua ở với anh T, do anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, cuộc sống ổn định của hai cháu và cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên giao cháu Y và cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh T không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của anh nên được ghi nhận.

[7] Về tài sản: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình T. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đình T và chị Trần Thị Tr.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Ngọc NY sinh ngày 13/10/2008 và cháu Nguyễn Hoàng Gia V sinh ngày 20/7/2013 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Đình T không yêu cầu chị Trần Thị Tr cấp dưỡng cho con.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000292 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, anh T đã nộp đủ.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng